

B, ngày 04 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1130/2022/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: bà **Nguyễn Thị Bích H** sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện T, tỉnh V.

Địa chỉ liên hệ: 446/21, khu phố 5 A, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.

Người yêu cầu: bà **Lê Văn Hiếu A**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện T, tỉnh V.

Địa chỉ liên hệ: tổ 8, khu phố 5, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Bích H và ông Lê Văn Hiếu A thuận tình ly hôn.
- Về quan hệ con chung: bà Nguyễn Thị Bích H và ông Lê Văn Hiếu A không có con chung.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Bích H và ông Lê Văn Hiếu A mỗi người phải nộp 150.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí thuận tình ly hôn, bà H tự nguyện nộp thay ông A 150.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0002292 ngày 15/4/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP B (2);
- THADS TP B (1);
- TAND tỉnh Đ (1);
- Đương sự (2);
- UBND nơi đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

THẨM PHÁN

Phạm Thị B

